

KINH THÍCH
NĂNG ĐOẠN KIM CANG BÁT NHÃ
BA-LA-MẬT-ĐA

QUYỂN TRUNG

- Vì sao có thể lập tướng Như?

*Hai thứ thành tôn trọng
Do đẳng lưu thù thắng
Nhân tánh của phiền não
Dù kém cũng là hơn.*

Nói “hai thứ thành tôn trọng” một là nơi thuyết pháp này, tôn trọng như nơi Tháp Phật (chế để pháp), do nơi ấy áo giữ nhận pháp này. Hai là người trì kinh này, nên tôn trọng như Đại sư, do là chỗ thân này đã nương tựa. Còn nơi bố thí bảy báu và người bố thí chính là pháp đẳng lưu (đồng đẳng khác) mà đích thân các Phật đều chứng. Lại có pháp nào, để Như Lai nói không? – Đây có ý gì? Không có pháp nào để cho riêng Như Lai nói, mà tất cả chư Phật cũng đều giảng nói pháp đó.

Vả lại, phước đức bố thí châu báu đấy, chính là nhân gây ra mọi sự khổ não. Còn công đức của pháp môn này, chính yếu là để đoạn trừ các mê hoặc, phiền não, hơn kém nhau như trời đất. Thế nên, ở văn sau, sẽ lấy bụi đất ra làm thí dụ. Như Lai nói: “Chẳng phải là bụi đất, do đó gọi là bụi đất- Nói về thế giới, Như Lai nói chẳng phải là thế giới, do đó gọi là thế giới”. Đây có ý gì?

- Nói thứ bụi đất này, không phải là bụi đất có tính nhiễm ô dơ bẩn thế nên gọi là bụi đất. Còn các thế giới kia, không phải là nhân tạo ra các phiền não, nên gọi là giới (cõi). Vì đây nói là thế giới, thì giới ở đây có nghĩa là nhân, tức là nhân của cõi đời này. - Lời nói đó có ý chỉ bày rõ các phước đức, là nhân của các bụi bặm phiền não, mê lầm. Ngoài ra các bụi đất khác, thì là vô ký. Phước đức đối với đạo lý pháp thiện hãy còn nhỏ bé, thấp kém; huống chi so với nhân phước đức để được thành Phật thì chẳng là nhỏ bé kém khuyết lắm sao? Vả lại, nó còn tạo nên

phước nghiệp, của tướng đẹp đại tướng phu, nếu đem nhân đó, so sánh với nhân, tiến đến quả Bồ-đề là phước đức thọ trì và giảng nói pháp môn Bát-nhã Kim Cang này, thì cũng còn thấp kém nhiều. Vì các tướng đẹp đẽ kia, không phải là thể tánh của Bồ-đề, nên ở đây gọi tướng đẹp đại tướng phu kia chỉ là tướng tiêu biểu. Còn phước đức thọ trì và giảng nói kinh, mới được gọi là tánh Đại Giác. Và cái phước này, cho dù có kém sút thế mấy, cũng còn hơn nhiều, so với phước bố thí châu báu. Hướng chi là nhân của pháp thân, thì phước đức lại chẳng siêu việt hơn nhiều sao? Thế nên nói: “Dù kém vẫn còn hơn nhiều” là vậy. Tức là dùng phước báu kém nhất để làm nhân. Ở đây đã nói, phước bố thí các châu báu, cùng với phước nhân này có nhiều chỗ sai khác, như vậy là đã xong. Còn đoạn văn sau đây, sẽ nói về điều gì? -Tụng nói:

*Quả đó vượt các khổ
 Khó gặp sự nào hơn
 Bờ trí tuệ khó biết
 Không chung với pháp khác
 Tánh ấy rất sâu kín
 Hơn các pháp gọn khác
 Như dòng tộc cao quý
 Phước hơn trong mọi phước.*

Đây nói nghĩa gì? - Đáp: Phước đức của bố thí châu báu sẽ được quả báo nhưng quả bố thí thân là hơn, vì có thể xả bỏ vô biên thân kia. Phước thọ trì kinh này còn hơn phước bố thí thân. Do thân là tánh khổ? Hướng gì vì pháp (kinh) mà hành bố thí?

Bấy giờ, thầy Cụ thọ Diệu Sinh (Tu Bồ-đề), biết rõ thân là gốc khổ và thấy uy lực của pháp môn ấy, liền buồn rầu rơi lệ. Vì pháp môn Kim Cang này rất khó gặp. Cụ thọ Diệu Sinh, kể từ lúc chứng được trí tuệ lớn đến nay, chưa từng nghe được pháp này, đây là việc tốt đẹp hơn hết. Lời nói đó là muốn chỉ rõ tên Bát-nhã. Ý sau đây là muốn trình bày sự thành lập việc tốt đẹp đó.

Tức Kinh nói: “Như Lai nói Bát-nhã Ba-la-mật đa, tức chẳng phải là Ba-la-mật đa”-Với chủ ý nào mà nói như thế?

Đáp: Cảnh trí kia chẳng thể biết. Chỉ có chư Phật mới biết được cảnh giới đó mà thôi, những kẻ khác, không thể biết được, vì đối với kẻ khác là không cùng chung.

Hết thầy thật tướng của pháp môn này là thật tướng. Trừ Phật dạy, chỗ khác không có. - Nói thật tướng, chỉ ở đây mới có. Còn nói chẳng phải thật tướng, thì có nghĩa là ở chỗ khác, nó không phát sinh. Thế

nên, văn kinh nói: Nếu ai sinh được tướng như thế thì người đó là hiếm có bậc nhất. Hơn nữa, pháp môn này cũng rất sâu kín cao xa, do đó, mà kinh này nếu ai thọ trì một ít, hoặc thọ trì hết cả, thì không còn sinh các ngã tướng nữa.

- “Không còn sinh các ngã tướng”, là chỉ rõ nghĩa mà mình đã hiểu không có điên đảo lầm lạc.

- Đối với các ý tướng ngã v.v... tức chẳng phải tướng, ý nói người có khả năng hiểu nghĩa không có điên đảo lầm lạc.

Hai thứ này, theo thứ tự làm rõ tính chất trí tuệ về Pháp và Ngã, cả hai thứ đều không có. Với nghĩa này, Phật đã ấn định lời nói của cụ thọ Diệu Sinh là đúng.

Nói “không kinh, không sợ, không hãi hùng”, cả ba thứ này đều là sợ, tức là kinh sợ, sợ sợ, sợ hãi hùng, song tùy theo từng việc, không giống nhau, nên có ba thứ riêng khác-Nói “kinh” tức là không đáng sợ mà sinh ra sợ. Nếu chính thức dịch từ tiếng Phạm, thì nên gọi là: Sợ quá chừng! Nay nói là “kinh” v.v... vì đây chẳng dám đổi thay lời xưa. Nhưng nếu y theo tiêu chuẩn (chuẩn độ) của luận giải thích, thì nghĩa của kinh chưa đủ lắm, cái sợ của nó chỉ ở mức thứ hai. Nên suy xét thử xem.

Vì vượt, và trái với chánh lý, tức như là vượt khỏi Chánh đạo (con đường đúng) nên có thể chán ghét vậy.

- Nói sợ (nên nói tiếp tục sợ) là tiếp tục sợ mãi khi cái sợ đã sinh ra rồi mà không thể dứt được.

- Nói là sợ hãi hùng: tức là lòng đã nhứt định luôn luôn sợ. Nếu không có những nỗi sợ... như vừa nói thì trở thành nói là tâm lìa bỏ các mê lầm, nghi ngờ, sợ hãi. (nếu chẳng thấy được bản kinh gốc và ý gốc thì đối với lời văn ấy chưa giải thích xong. Vì lời chú thích ấy rút từ bản gốc thì đây có nghĩa là “có thể quên và nghi ngờ” Trừ các người giải thích nghĩa khác không như ở bộ luận này).

Lại nữa pháp môn này vượt hơn các pháp tóm tắt khác, do đó kinh nói: Đây là pháp Ba-la-mật đa tối thắng, do Như Lai nói. (Các pháp tóm tắt khác tức là các kinh khác). Vả lại pháp môn này là dòng tộc cao quý nhất.

Nói “dòng tộc cao quý nhất”, là vì do chư Phật cùng nói kinh này.

Việc bố thí châu báu, không bằng phước đức đầy đủ tốt đẹp này. Tức là nói phước ấy, so với phước trước, có lý cao thấp khác nhau rõ ràng.

- Nói rằng “thân là gốc (tánh) khổ”, thì người bố thí thân kia sẽ nhận được quả, cũng có tánh chất khổ, nên phước đức đó phải thấp kém. Nhưng pháp môn này ai có thọ trì và giảng nói cho người khác nghe, thì đó là bậc Đại Sĩ (Bồ-tát) tu khổ hạnh, há không phải là chịu quả khổ? Thế nào không là chịu quả báo khổ? Vì giải đáp vấn nạn ấy nêu có văn nói ở sau và muốn trình bày rõ những nghĩa gì? Tụng nói:

*Khi người ấy nhẫn nhục,
Tuy khổ, hạnh nhưng thiện,
Và phước ấy khó lường,
Gọi là sự tối thắng
Do không tâm giận dữ,
Nên không có tính khổ,
Có đại Bi, an vui
Khi làm, chẳng quả khổ.*

- Đây nói nghĩa gì?

- Đáp: Giả sử khi người ấy tu khổ hạnh nhẫn nhục có chịu quả khổ não, nhưng lúc đó do có hạnh nhẫn nhục, nên chịu đựng được. Vì vậy gọi đó là sự tối thắng. Có hai nguyên do:

1. Là tánh thiện, vì các Ba-la-mật đa đều lấy thiện làm thể tánh.
2. Là phước đức ấy, nhiều, thật khó lường.

Như kinh đã nói: “Đó tức chẳng phải là pháp Ba-la-mật đa”, do các công đức giác ngộ kia chưa từng có ai biết được. Cho nên gọi đó là không biết bến bờ, vì nó với thắng pháp tương ứng nhau.

Đó tức là những khổ hạnh khó làm: So với khổ não trước, tự nó có khác nhau xa, hướng chỉ các ý tưởng về ngã, về sân giận, đều không còn thì đâu có chi là khổ não! Chẳng những không khổ não, mà còn phát sinh an lạc từ bi. Cho nên kinh nói: “Khi đó, Ta không có ý tưởng về ngã, cũng chẳng phải là không có tưởng”

- Nói “Chẳng phải không có tưởng”, là chỉ rõ có tưởng tương ứng với lòng từ bi. Dựa vào lý chuẩn đó thì các chúng sinh (hữu tình), chưa diệt trừ được tưởng về ngã v.v.. nên khi tu khổ hạnh, còn thấy khổ não, liền muốn lìa bỏ tâm Bồ-đề! “Thế nên, cần phải lìa bỏ các tưởng, cho đến rộng nói”; ở đây, muốn trình bày điều gì? - Tức là: Nếu người chẳng phát tâm Bồ-đề cao tột thì khi chịu khổ hạnh, sẽ có lỗi, là nổi tâm giận dữ. Lời tụng nói:

*Nhân sinh tâm không bỏ,
Phải bền bỉ siêng cầu.*

Hỏi: Tâm trụ vào đâu gọi là nhân sinh tâm? Mà phải bền bỉ siêng

cầu. Lại ở nơi đâu là không bỏ nhân của tâm Bồ-đề để cầu tiến? Tụng nói:

*Nghĩa là được pháp nhãn,
Và phương tiện tâm này.*

Đây chính là tâm Thắng nghĩa, khi vào bậc Sơ địa đạt được tâm vô trụ trong các hành thuộc về Nhãn”. Kinh nói: “Nên li bỏ các tướng mà phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng giác” - Vì sao thế? - Đây là chỉ rõ nhân phát sinh tâm không chấp trụ vương mắc. Nếu tâm còn chấp trụ vương mắc vào sắc v.v.. và các chỗ, ắt không thể tiến cầu quả Phật được.

“Các Bồ-tát nên không để tâm trụ vào đâu (vô sở trụ) khi làm việc bố thí”. Ý văn là muốn trình bày, chỉ rõ, bố thí gồm thâu cả sáu pháp Ba-la-mật, tức là phương tiện phát sinh tâm không chấp trụ vương mắc. Khi đã đủ sức nhẫn nhục rồi thì dù có gặp khổ cách mấy, cũng không hề li bỏ tâm Đại Bồ-đề.

- Hỏi: Thế nào, là khởi hạnh làm lợi ích hữu tình, lại rời bỏ, không trụ vào sự làm lợi ích hữu tình? - Đây là thủ, xả đồng nhau, từ đó sinh ra điều nghi ngờ. - Đáp: “Bồ-tát nên như thế, mà bố thí và làm lợi ích cho tất cả chúng sinh” - Đây muốn nói rõ ý gì? - Tụng nói:

*Nên biết chánh hạnh đó,
Là nhân giúp ích người,
Với sự tướng hữu tình,
Phải biết dẹp bỏ hết.*

Đây nói nghĩa gì? - Là nói về chánh hạnh, nó là nhân làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nên biết, khi làm lợi ích cho chúng sinh, nhưng không chấp giữ hình dạng của hết thủy hữu tình. Sao gọi là sự việc về hình dạng chúng sinh? - Tụng nói:

Sự đó gọi là tụ.

Chúng sinh tức là tên gọi được đặt ra để gọi các chúng sinh và những sự của chúng sinh nương dựa.

Chánh hạnh là gì? - Tức là diệt trừ hết sự tướng của chúng sinh. Do tướng tên gọi đó, tức chính là chẳng phải tướng. Vì tự thể nó vốn không có. Tức là chúng sinh đó, chẳng phải là chúng sinh mà chỉ đối với năm ấm, gọi là chúng sinh. Do chúng sinh không có tự thể, nên Ngã và Pháp tánh đều không có. Vì sao thế? - Vì chư Phật Thế Tôn đã cùng trừ bỏ hết các tướng. Đây nói đến hai tướng về ngã và pháp đều không có làm sao có thể thành tựu sự diệu tối thắng? - Tụng nói:

Tối thắng trừ tướng đó,

*Chư Phật không có tướng,
Do tương ứng chân kiến.*

-Đây nói nghĩa gì? - Do chẳng phải tánh của ngã và pháp có thật, mà vì các bậc Đại sư quyết trừ diệt các tướng ấy là vì các Như Lai cùng với Chân kiến tương ứng. Quả không trụ vào nhân, thì làm sao thấy được Nhơn của quả ấy? Đã có nghi, nên đáp: Kinh nói: “Này Diệu Sinh (Tu Bồ-đề)! Lời Như Lai là thật ...”, có bốn câu. Tụng nói:

*Quả chẳng trụ vào nhân,
Là được nhân quả ấy!
Thế Tôn nói lời thật,
Nên biết có bốn thứ.*

Tánh của lời thật này có bốn thứ. Đó là gì? - Tụng nói:

*Lập “Pháp yếu” - Tiểu thừa,
Nói pháp nghĩa Đại thừa,
Và các việc thọ ký,
Đều không có sai lầm.*

Vì Phật tự lập cho mình kỳ hạn thiết yếu, để trước hết câu được Phật quả là không có đối trá nhầm lẫn. Đối với hàng người thấp kém hay bậc Đại thừa và các sự thọ ký, đều không hề sai lầm. Cho nên ở đây, tùy theo thứ lớp có bốn thứ là: Lời nói Thật - Lời nói Như - Lời nói Không đối gạt-Lời nói Chẳng đối khác, cùng phối hợp vào nhau.

- Nói “Như Lai” ấy là do nói đến như khổ v.v.. cho hàng Thỉnh văn; là thật không dối; nói pháp “Vô tính” cho hàng Đại Thừa là để chỉ rõ Chân như tương xứng với cái biết thật (thật tri). Như lai là biết các nghĩa. Đối với hết thảy những việc thọ ký, trong mọi thời quá khứ, hiện tại, vị lai; đều không lầm lẫn, nên gọi là Như Lai. - Kinh nói: “Pháp Như Lai đã chứng và pháp Như Lai đã nói, tức chẳng phải thực, cũng chẳng phải dối”. - Câu đó có nghĩa là gì? - Đáp:

*Chẳng được, chỉ tùy thuận,
Là chẳng thực, chẳng dối,
Cứ theo lời mà chấp,
Đối với đấy nói rõ.*

Nói: Các Như Lai có nói pháp, thì lời nói này chẳng được pháp đó, chỉ là tùy thuận nói thôi. Do đó, khi nói pháp thì chính mình không được chứng pháp, vì sau lời nói thì không có thể nào cả, nên chẳng phải là thật. Do tùy thuận theo nó, cho nên cũng chẳng phải là dối. Nói: -“Ta hiện đã chứng Vô thượng giác”. Đây là căn cứ vào câu văn và đạo lý mà có lời nói đó. Hỏi: Vì sao Thế Tôn lại nói tóm tắt: “Ta nói lời chân

thật”, mà pháp được nói thì chẳng phải là thật, cũng chẳng phải dối? Một lời nói gồm cả hai lý, nên thật khó tin.

Do đó, đáp: Nếu theo lời nói mà chấp thì trong trường hợp này đó là nói rõ.

Nói: Thánh nhân do pháp Vô vi mà được hiện bày, song tánh Chân như thì khắp chốn khắp thời đều có. Như thế, thì tại sao phải dùng tâm không trụ vào đâu cả mới chứng được Phật quả, chứ chẳng phải có tâm trụ? Còn thật thể Chân như lúc nào cũng có trong mọi thời gian thì tại sao lại có người được Chân như và có người không được? Để dẹp trừ điều nghi này, nên nói thí dụ vào chỗ tối. Nó làm sáng tỏ nghĩa gì? - Tụng nói:

*Có mọi lúc mọi nơi,
Mà chẳng được Chân tánh,
Do Vô vi, có trụ,
Trí không trụ được Chân.*

Trong đây ý dạy: Tánh Chân như tuy là luôn có ở mọi lúc mọi nơi, nhưng do người ấy vô trí và có tâm trụ, nên không thể được Chân như, không được nghĩa thanh tịnh. Còn người có trí và tâm không trụ thì liền thấy được nghĩa thanh tịnh. Song, chư Phật Thế Tôn là do Chân như hiển bày. Chính lý do này nên dùng tâm có trụ thì không thể chứng được.

Do đó, Tụng nói:

*Không trí dụ là tối,
Đương tối, trí như sáng
Năng đối và sở trị,
Được mất hiện ngay đây.*

Giống như tối, tức là cùng với tối có nghĩa tương tự. Do đó dùng tối để dụ cho kẻ vô trí, không biết. Lấy ánh mặt trời dụ cho kẻ có trí, có mắt. Như ý văn đã đủ, cho nên mới nói: Chủ thể đối (Năng đối) và đối tượng được đối trị (Sở trị), được mất có ngay đây, tùy cảnh tương ứng. Do có mất ấy là thể hiện năng trị của mình. Phần đêm ánh sáng rõ ra rồi, là hiển bày cái sở trị đã bị phá vỡ. Bóng tối chấm dứt, ánh mặt trời xuất hiện, là chỉ cho năng đối trị lúc đó. Khi ánh dương đã chiếu sáng thì thấy đủ màu sắc, hình ảnh. Văn kinh sau đây muốn nêu bày điều gì? Tụng nói:

*Do chánh hạnh như thế,
Được lượng phước như thế,
Đối với pháp chánh hạnh,*

Nay sẽ nói nghiệp dụng.

Do chánh hạnh như thế, là ý nói chánh hạnh đối với văn tự kinh. Tụng nói: Ba loại đối với Văn; Thọ trì-đọc-diễn nói. Có ba loại người thực hành đối với văn tự kinh. Một là Thọ trì. Hai là đọc. Ba là diễn nói rộng.

Nói “Thọ trì”, là người trì pháp. “Đọc tụng” là người nương theo sự học rộng và nghe pháp nhiều mà nói. Tuy không thọ trì, nhưng có đọc tụng, cho nên cũng thuộc về đa văn. Chánh hạnh đối với nghĩa, tức nghĩa được hiện bày khắp nơi. Tụng nói:

*Được nghĩa từ người khác,
Mình nghe rồi suy nghĩ.*

Hiểu được nghĩa là do từ người khác và chính mình. Vì sao lại từ người khác và vì sao lại do mình? Nghĩa là khi nghe người khác nói, rồi mình suy nghĩ, mới hiểu được nghĩa. Như thế, là lần lượt từ người khác, đến chính mình rồi mới được. Căn cứ vào sự biến khắp mà được nghĩa, thì đây có ý nói đến chánh hạnh đối với văn nghĩa. - Tụng nói:

*Đấy gọi thành thực nội,
Thành tựu hữu tình khác,
Việc lớn thời gian nhiều,
Mong phước, phước thù thắng.*

Thọ trì v.v.. tức là khi thọ trì kinh, chính mình được thành thực. Ngoài ra, còn thành tựu cho người khác, là vì người khác mà rộng nói chánh pháp. - “Được lượng phước như thế”, tức chỉ rõ số lượng phước đức ấy có khác nhau. Việc lớn thời gian nhiều - Mong phước, phước thù thắng”, đây là phước xả bỏ thân mạng để bố thí, so với phước xả bỏ thân mạng ở trước, vì sự việc lớn hơn nên cũng có sự sai khác về phước đức, cũng do thời gian nhiều, dài. Tức trong một ngày mà đem rất nhiều thân mạng để bố thí, lại trải qua rất nhiều thời gian để thực hành chánh pháp. Nghiệp dụng nay sẽ nói. Vì sao gọi đó là hành nghiệp dụng? Tụng nói:

*Chẳng phải cảnh, tánh riêng,
Thường nương cậy Đại nhân,
Và rất khó được nghe,
Nhân vô thượng thêm lớn,
Nếu chỉ trì chánh pháp,
Nơi sở y thành khí,
Trừ sạch các nghiệp chướng,
Mau được tánh trí thông,*

*Viên mãn sự thế gian,
Dị thực rất tôn quý,
Với pháp tu hành này,
Nên biết được nghiệp đó.*

Kinh nói: “Không thể nghĩ”, chỉ rõ đó không phải là kẻ phàm phu thường tình, có thể thấu hiểu suy lường đến những hoạt động trong cảnh giới ấy. Nói: “Không thể tính kể”, là chỉ rõ tánh riêng của phước thu được, đối với hàng Thanh văn... đó là tính bất cộng.

Nói: “Vì lợi ích cho những chúng sinh nào, phát tâm hướng đến quả vị tối thượng thừa, mà nói”, thì đây là hiển bày về pháp môn ấy, là giáo pháp đại thừa mà các bậc Đại nhân đã nương vào gọi là hạnh Cực Thượng thừa, Đại thừa, gọi là Tối Thắng thừa người ưa thích những việc thấp kém, thì không muốn nghe. Đây là hiển bày tánh khó được nghe, tức người nghe pháp khó được. Do có thể thành tựu những tụ phước đức không thể nghĩ lường..., nên càng làm rõ sự tăng trưởng nhân của quả vô thượng, thì sự gieo trồng gây tạo phước đức càng thêm nhiều. Trong đó văn kinh đã nói: “Không thể nghĩ suy, không thể tính kể”; nghĩa là chẳng thể lường, chẳng thể tính đếm được. Như sau đây, nên biết.

“Nên biết, người đó sẽ dùng vai mà gánh vác v.v..” Đây là chỉ cho người thọ trì kinh pháp Kim Cang này. Vì người đó thọ trì pháp, tức là thọ trì Bồ-đề. Chỗ hiện có kinh này nếu người cúng dường hương hoa; thì đó là nói rõ nơi nương dựa trở thành pháp khí thắng diệu.

“Do bị khinh khi làm nhục” tức là có bao nhiêu nghiệp ác, đáng bị đọa vào đường dữ, đều được tiêu trừ hết, điều đó chỉ rõ sự thanh tịnh vì đã diệt trừ nghiệp chướng.

Nói: “Đó là việc lành, nghĩa là khi bị khinh chê, làm nhục, thì rõ ràng là người bị làm nhục đã có tánh phước đức, nên nói đây là việc lành.

Chú: (Từ xưa các bản dịch đều không có lời này, do trong bản kinh chữ Phạm có chữ còn ẩn kín)

Ở chỗ Phật Nhiên Đăng trước đây đã cúng dường phụng sự chư Phật, thì phước đức có được thua kém rất nhiều so với phước đức ở đời sau có người đối với pháp môn này mà thọ trì v.v... Điều này chỉ rõ được thành tựu tánh trí tuệ thông suốt. Nhiều tư lương phước đức, thấy đều viên mãn, nên phải biết: Kinh này là không thể nghĩ bàn. Đây cũng chỉ rõ quả báo là không thể nghĩ suy; tức là mọi sự tốt đẹp của thế gian đều đầy đủ. Quả báo rất đáng tôn quý. Nghĩa là đối với Hộ thế, Đế Thích, Bà-la-môn ... các địa vị vốn có này đều thâm tóm lấy một cách viên

mãn.

Nói “điên loạn”, nên biết đấy là do tâm bị cuồng loạn-Nói quá báo chẳng thể nghĩ suy, đấy là nói về hai tính chất về nhiều và trội hơn tất cả đều chẳng phải là trình độ của kẻ phàm phu thường tình thiếu hiểu đo lường được! Đây gọi là chánh hạnh đối với pháp. Vì có khả năng có thể an trụ vào các phước đức như thế, nên, gọi đấy là công dụng quả báo của nghiệp chánh hạnh.

Ba loại trước đã hỏi đáp, ở đây hỏi lại, thì nghĩa có gì khác chẳng?
Đáp: Tụng nói:

*Do khi tự thân làm,
Cho mình là Bồ-tát,
Gọi đó, là tâm chướng,
Trái với tâm vô trụ.*

“Này Diệu Sinh! Thật sự không có pháp nào có thể gọi là Bồ-tát. Nếu không có Bồ-tát, thì tại sao Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, lại tu hạnh Bồ-tát? Giải đáp: Nghi này rằng: “Thật sự không có pháp nào để Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng v.v..” điều này nói rõ nghĩa gì? - Tụng nói:

*Thọ ký cho sau này,
Nhiên Đăng, hành chẳng hơn,
Hạnh Bồ đề đồng nhau,
Chẳng thật, do nhân tạo.*

- Ý ở đây nói: “Thuở xưa, Ta ở chỗ Phật Nhiên Đăng, chẳng phải là người tu hạnh Bồ-tát cao tột nhất”. Nhưng khi xưa, lúc Ta tu hành, ở bên đức Phật đó, thật không có pháp nào để ta chứng được Chánh Giác cả. “Nếu đã chứng được Chánh Giác thì Phật ấy liền không thọ ký cho Ta, sau này sẽ thành Phật”. - Ý trong đây nghĩa là:

Khi người ấy tu hành mà tự cho là ta sẽ thành Phật. Nếu nói quả Bồ-đề chẳng có, thì Phật cũng là không, tức gọi tất cả đều không. Vì dẹp trừ nghi này, nên trong kinh, Phật bảo: “Này Diệu Sinh! Nói Như Lai, tức là tên gọi khác của Thật tánh Chân như. Tức là không có nghĩa điên đảo, gọi là Thật tánh; không có nghĩa là biến đổi, gọi là Chân như- Này Diệu Sinh! Nếu có người nào nói: Như Lai đã chứng được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì đó là nói dối-Nghĩa này là thế nào?

- Đáp: “Hạnh Bồ-đề ấy đồng-chẳng thật, vì có nhân tạo ra”. Do thuở xưa, khi Bồ-tát tu hành thì thật ra là chẳng tu hành. Chư Phật cũng như thế. Không có pháp nào để chứng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây rõ

lại bác bỏ chung là không có đạo Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Kinh nói: Này Diệu Sinh! Pháp để Như Lai có được Chánh Giác, thì đó chẳng phải là thật, cũng chẳng phải dối” - Điều này có ý gì? - Theo lý chân như thì nếu Phật có chứng quả, thì đó chẳng phải là thật, vì nó từ nhân mà sinh ra, vì các tướng hữu vi đều là nghĩa của tướng nhóm họp tụ tập. Cho nên chân như không có tướng về sắc, Thinh v.v..)

Tụng nói:

*Không tướng kia, là tướng,
Sáng tỏ cái không dối,
Do Pháp là Pháp Phật,
Đều chẳng tướng hữu vi.*

Nghĩa là Chân như, không có các tướng của sắc, thinh v.v.. Tướng của sắc v.v.. không có là tự tướng của Chân như. Cho nên nói: Không có tướng kia- là tướng. Tức là làm sáng cái không dối. Thế nên, Như Lai nói: “Tất cả pháp tức là Phật pháp”. - Điều này làm rõ nghĩa gì?- Vì Như Lai đã chứng pháp ấy, vì pháp là Phật pháp, đều chẳng phải là tướng hữu vi. Điều đó đã chỉ rõ thể nó là Vô vi.

Ở đây muốn trình bày điều gì? - Do tất cả pháp đều lấy Chân như làm tự tánh. Điều đó chỉ có sự giác ngộ của Phật mới biết, cho nên nói: Tất cả pháp đều gọi là Phật pháp.

Các thứ sắc, thinh v.v... không thể giữ được tướng tự thể của nó; hết thấy các pháp sắc, thinh v.v... đều không phải là pháp. Do không phải là pháp, nên Vô vi mới trở thành pháp, tức là nó hoàn toàn giữ thâu cái tướng không phải có. - Còn dụ về bậc trượng phu, thì định chỉ bày nghĩa gì? - Tụng nói:

*Muốn hiểu pháp thân Phật,
Nên biết, dụ trượng phu
Thân viên mãn không chướng,
Là tánh trùm đầy khắp,
Và được thể rộng lớn,
Cũng được gọi thân rộng,
Chẳng có thân, là có,
Nói nó không phải thân.*

- Phiền não và sở tri, cả hai chướng đó đều đã diệt trừ hết, không còn gì, nên gọi là thân viên mãn.

- Nói trùm đầy khắp, có nghĩa là biến hành, là trùm khắp mọi nơi, nên gọi là thân đầy đủ. “Và được thể rộng lớn, cũng gọi là thân lớn. Biến hành đó nên biết, nó là tánh của Chân như, nó ở khắp trong các

pháp, không có tánh nào khác. Nói “chẳng có thân là có” là nói: “Nó chẳng phải thân, thì Như Lai bảo là chẳng phải thân”. Do đó, gọi là thân đầy đủ.

Nói: “Thân lớn”, là muốn trình bày điều gì? - Vì chẳng phải là thân hữu vi, nên gọi đó chẳng phải là thân, tức là tính Chân như. Do vì nó không có thân, nên gọi đó là thân đầy đủ, thân lớn.

- Nếu nói không có Bồ-tát, tức là quả Phật Chánh giác cũng không, sự giác ngộ cũng không và cũng không có chúng sinh, để khiến cho họ nhập Niết-bàn, cũng không có việc trang nghiêm cõi nước chư Phật... thì còn có gì nữa? Các Bồ-tát sẽ khiến cho tất cả chúng sinh, đều được vào chốn tịch tĩnh, lại còn nghĩ là ta trang nghiêm cõi Phật sao? - Vì đáp nghi vấn đó, nên có đoạn văn sau đây muốn làm rõ nghĩa? Tụng nói:

*Không hiểu rõ pháp giới,
Khởi tâm độ chúng sinh,
Và thanh tịnh cõi nước,
Đó chính là giả dối.*

“Nếu nói tâm này đó là giả dối, vì tâm này nên chẳng gọi là Bồ-tát, thì như thế, do đâu mà được tên? Đáp: “Nếu có người tin hiểu, tất cả pháp, đều là tánh không...”. Tức là tất cả pháp đều không có tánh v.v...” Lời văn này, định nêu lên ý gì? Tụng nói:

*Với Bồ-tát chúng sinh,
Các pháp không tự tánh,
Nếu hiểu dù chẳng Thánh,
Gọi Thánh tuệ, nên biết.*

Đây ý nói nghĩa gì? - Là nói pháp không có tánh. Pháp không tánh đó tức là căn cứ vào các pháp vốn có của chúng sanh và Bồ-tát. Nếu tin hiểu là không có tánh, hoặc bằng thế gian trí hoặc xuất thế gian trí thì gọi là Di Sanh (phàm phu) và Thánh, đều gọi Bồ-tát cả. Do đó, liền có ý quyết định cho: Có hai hạng Bồ-tát: Bồ-tát bị thế tục ngăn che, và Bồ-tát thắng nghĩa. Điều này chỉ rõ sự tùy thuận theo nó. Lập lại hai tiếng “Bồ-tát, Bồ-tát”. Văn kinh trước đã nói: “Như Lai không có cái gì hiện bày ra”, nghĩa này trở nên sáng tỏ. Nếu như thế, thì lẽ nào Thánh nhân kia hoàn toàn không thấy gì cả? Để đáp vấn nạn này, nên mới nói là có năm thứ mắt. Vì muốn nêu bày nghĩa ấy, nên Tụng nói:

*Tuy không thấy các pháp,
Nhưng chẳng phải không mắt,
Phật có đủ năm mắt,
Do cảnh vốn đối rỗng.*

Phải như thế nào, mới là không đối? - Để đáp lời hỏi này, ở trước đã nói thí dụ.

“Tất cả chúng sinh đó, với đủ mọi thứ tánh, mà tâm thay đổi, biến chuyển thế nào, ta đều biết rõ cả.” - Như thế mà nói rộng, thì đây chỉ rõ nghĩa gì? - Nói đó chẳng phải là thấy lầm, mà chính là do cảnh rộng đối. Cái gì là cảnh rộng đối? - Đó tức là các thức lầm lẫn. Tụng nói:

*Các thứ tâm lưu chuyển,
Vì lìa khỏi niệm xứ,
Nó không yên, luôn động,
Nên nói là hư vọng.*

Trong tất cả các thức, thì sáu thức khác nhau, mà nó lại là đối cả! Dựa vào đâu mà gọi thức là tâm lưu chuyển? - Kinh nói: Như Lai nói không có Đà La, đó là hiển bày tánh lìa bỏ niệm xứ. Vì niệm xứ ấy là chỗ nắm giữ Đà la, nếu không nắm giữ tức là không yên. Đà La Năm, Ala, A Đà la, đây là ba cái tên cùng có nghĩa, đều gọi là trì (nắm giữ), cũng có nghĩa là rót chảy. Do không nắm giữ, kìm hãm; nên tâm luôn luôn biến đổi phân tán. Nói không nắm giữ, là hiển bày đối tượng, luôn biến đổi chuyển dời. Đã không nắm giữ, nên nói là nó luôn biến đổi. Đó là tánh lầm lẫn giả đối.

(Hỏi: Vì sao, có bản kinh xưa còn lưu lại, tiếng Phạm gọi là: “Đà la” mà không dịch thành chữ Hán. Vậy là có ý gì? Đáp: Bản tiếng Phạm có ba chỗ đều dùng chữ Đà La, nhưng nghĩa có khác nhau. Nay người dịch đã dùng nguyên tiếng Phạm, là vì đã bị trở ngại trong ngôn ngữ dịch thành tiếng Trung quốc. Như các bản dịch đều toàn dùng tiếng nói ở đời nhà Đường, xét lý thì trái nhau với bên Tây Vực. Cho nên bản dịch xưa, dùng nguyên tiếng Phạm. Có thể dùng nghĩa là chuyển dời, biến đổi. Đặc biệt ở trong đạo, thì dùng chính thức nghĩa là sự cầm nắm giữ gìn. Để dịch chữ đó, mới xem ý trong bản Tụng của Bồ-tát Vô Trước có phù hợp với hoàn cảnh của người chú thích, là Bồ-tát Thế Thân chăng? Như trong bản xưa, chẳng có chữ đó, thì chẳng lẽ “tặng” lại đời sau chữ viết sai! Nếu dịch chung là lưu chuyển, đổi dời; thì nghĩa nắm giữ biến mất. Mà nếu theo nghĩa của trì, thì nghĩa lưu chuyển không còn. Nếu dùng cả hai nghĩa, mới thật là thỏa đáng. Nếu dịch là thay đổi biến dời, thì lý cũng đúng, nhưng gồm có nhiều nghĩa, chẳng bằng dùng hai chữ Đà La, một chữ đã vậy, các chữ khác thì suy mà biết. Những ai còn giữ bản tiếng Phạm xưa, mà gồm có ý khác, vì kinh Bát Nhã này đã trải qua bốn, năm lần (bản) dịch; thì nên tìm xem cho kỹ, chẳng nên ham mới lạ, mà nên dịch lại ý xưa, để lý nghĩa được sống còn. Tiếng nói ở Tây

Vực có bản danh mục ghi nhiều việc, một việc lại có nhiều tên. Như một chữ Đa La đây, gồm có nhiều nghĩa vừa (lưu), vừa (trì), lý tùy văn thể và phong tục xứ sở mà khác xa. Chẳng nên cậy xưa mà lầm tiếng. Nếu xét thấy bản dịch cũ toàn là sơ sót thô lậu, mà chẳng rãnh rỗi, nói hết chỗ còn khuyết lấp hay sao?)

“Vì sao thế”? - Là vì có các tâm quá khứ chẳng thể nói được. Gọi là tâm quá khứ, vị lai; là do tánh của quá khứ, vị lai không thể nắm bắt được. Còn đối với hiện tại, thì chỉ là “biến kế sở chấp”, tự tánh của nó không có. Đây là chỉ rõ tâm luôn dời đổi, đó là tánh của thức mê lầm đối tượng, không có tánh chất của ba đời. - Lại nói thí dụ về tụ phước đức, là có ý gì đây? - Tụng đáp:

Nên biết là trì Trí

Sức phước, chẳng giả dối, Nên rõ, nhân

phước này, Nhắc lại, cùng nói dụ.

Đây nói nghĩa gì? - Tâm đã luôn biến đổi thì đó là tánh đối trá lầm lẫn, phước tụ có bao nhiêu cũng chỉ là không. Việc đó đã là hư dối, thì làm sao thành tựu thiện pháp được? - Vì có nghi sâu xa này, nên cần lý giải thật rõ ràng.

Đáp: Tâm luôn chuyển dời thì đúng thật là giả dối, nhưng thể của tụ phước đức, thì không giả dối, trống rỗng; vì nó luôn được nắm giữ do Trí Chánh giác. Làm sao hiểu rõ tánh nắm giữ này? Như kinh nói: “Này Diệu Sinh! Nếu đó là tụ phước đức, Như Lai tất sẽ không nói là tụ phước đức”. - Đây có ý nghĩa thế nào? Ấy là do chấp cái thể giả dối của năm uẩn, nếu tụ phước đức này là thủ uẩn, thì Như Lai đã không nói tụ phước đức đó, là tánh của tụ phước đức, không nói là nghĩa nắm giữ của trí tuệ. - Nếu nói Như Lai là chẳng phải do sự tập hợp tạo nên, thì tại sao lại cho Như Lai có những vẻ đẹp và các tướng?

Để giải đáp lời hỏi này, kinh có nói: “Chẳng nên lấy sắc thân vẹn toàn và tướng hoàn hảo đầy đủ mà nhìn Như Lai”. Nói sắc thân, thì đã rơi vào nghĩa vẻ đẹp rồi.

